

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Trung văn cơ sở 4

Mã học phần: BCH31024 – Số tín chỉ: 04

Dùng cho ngành: Tất cả các ngành

Điều kiện tiên quyết: TVCS 3

Hình thức đào tạo: Trực tiếp/Trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

1. Mô tả chung về học phần

a. Học phần Tiếng Trung cơ sở 4 là phần nối tiếp của ba học phần bắt buộc là Trung văn cơ sở 1, Trung văn cơ sở 2 và Trung văn cơ sở 3. Sinh viên được trang bị thêm từ vựng và ngữ pháp cơ bản nâng cao. Qua học phần này, sinh viên có thể triển khai các hoạt động giao tiếp chủ đề 4 mùa, Học tập (nâng cao), Thể thao, Hoạt động đã diễn ra....

b. Các điểm ngữ pháp cơ bản cũng được bổ sung ở giai đoạn này nhằm trang bị đầy đủ cho người học kiến thức tối thiểu của chương trình Trung văn cơ sở, làm tiền đề cho chương trình Sơ cấp hoặc chuyên ngành: Trợ từ động thái 了 1, trợ từ ngữ khí 了 2, bỏ ngữ kết quả, bỏ ngữ động lượng, bỏ ngữ trạng thái, câu so sánh..

c. Sinh viên được bổ sung thêm thường thức về văn hóa, lịch sử, địa lý Trung Quốc phong tục tập quán, quy trình khám chữa bệnhqua các bài học liên quan.

d. Kết thúc học phần Sinh viên có thể đạt trình độ giao tiếp cơ bản nâng cao, góp phần đạt mục tiêu góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra A2, A4, B1, B2, B3,B4, C2, C3.

Mục tiêu cụ thể được xác định như sau:

Mục tiêu	Mô tả
G1	Sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức cơ bản tổng hợp về từ vựng, ngữ pháp, chủ điểm giao tiếp, văn hóa, lịch sử...
G2	Sinh viên chủ động trong giao tiếp và phản xạ nhanh hơn với các chủ điểm quen thuộc
G3	Sinh viên có thể đạt trình độ cơ bản nâng cao

2. Các chữ viết tắt: Không

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã	Chuẩn đầu ra học phần
a2	Vận dụng kiến thức đã học về lý thuyết và thực hành tiếng Trung vào giao tiếp đời sống thông thường và tại nơi làm việc.
b2	Vận dụng kỹ năng tin học cơ bản và kỹ năng thuyết trình để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tương ứng với chuyên ngành đã chọn
c2	Thể hiện năng lực làm việc độc lập

4. Giáo trình và tài liệu học tập

5. 1. Giáo trình và tài liệu học tập:

- 《汉语教程》（修订本）第一册（下）+ 第二册（上），对外汉语本科系列教材，北京语言大学出版社，2008年。

5. 2. Tài liệu tham khảo:

- 《汉语听力教程》（修订本）第一册，第二册对外汉语本科系列教程，北京语言大学出版社，2007年。
- 《汉语阅读教程》（修订本）第一册，第二册对外汉语本科系列教程，北京语言大学出版社，2008年。
- Bài tập tiếng Trung, Tập II, Biên soạn: Ths Đinh Thị Thanh Bình, Khoa Ngoại Ngữ
- Ngữ pháp tiếng Hán, Tập I, Biên soạn: Ths Hồ Thị Thu Trang, Khoa Ngoại Ngữ

- Nghe, Tập II, Biên soạn: Ths Lê Thị Thu Hoài, Khoa Ngoại Ngữ
- Nói, Tập II, Biên soạn: Ths Ths Đinh Thị Thanh Bình, Khoa Ngoại Ngữ - ĐHDL Hải Phòng.
- Đọc, Tập II, Biên soạn: Ths Hồ Thị Thu Trang, Khoa Ngoại Ngữ - ĐHDL Hải Phòng.

5. Chiến lược học tập

Sinh viên cần tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập; cần tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định, không ngừng phấn đấu để duy trì sự tiến bộ liên tục trong học tập; hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng tiến độ.

Để hoàn thành tốt học phần này, sinh viên cần: Đi học và làm bài đầy đủ và có ý thức tự học và chủ động trong học tập

6. Nội dung, kế hoạch giảng dạy và đánh giá

Nội dung và kế hoạch giảng dạy, đánh giá	Hoạt động học tập của người học				Chuẩn đầu ra
	Trên lớp	ST	Tự học	SG	
第二十五课: 她学得很好 1.1 生词 1.2 课文一: 她学得很好 1.3 课文二: 她每天都起得很早 1.4 语法一: 状态补语 1.5 听力、阅读练习	Nghe giảng Hỏi đáp tương tác cùng giáo viên về đánh giá một số hoạt động thông thường như học tập, vui chơi, cuộc sống hàng ngày.. Thực hành đặt câu với từ vựng, xử lý tình huống với hoạt động học trên lớp của mỗi học viên, đồng thời biết cách đặt câu hỏi, phủ định khi đánh giá Hội thoại theo nhóm hoặc Tự thuật bài khóa Làm bài tập trên lớp	7	- chuẩn bị trước bài mới và chủ động nêu câu hỏi - luyện đọc nhiều lần từ mới và bài khóa	4	a2, b2, c2
第二十六课: 田芳去哪儿了 1.1 生词 1.2 课文一: 田芳去哪儿了 1.3 课文二: 他又来电话了 1.4 语法一: 语气助词“了” 1.5 语法二: 再/又 1.6 听力、阅读练习	Nghe giảng Hỏi đáp tương tác cùng giáo viên về một số việc đã xảy ra với bối cảnh lớp học. Thực hành đặt câu với từ vựng, xử lý tình huống cuộc sống hàng ngày, biết kể lại những hoạt động trong quá khứ Hội thoại theo nhóm hoặc Tự thuật bài khóa Làm bài tập trên lớp	7	- chuẩn bị trước bài mới và chủ động nêu câu hỏi - luyện đọc nhiều lần từ mới và bài khóa	4	a2, b2, c2
第二十七课: 玛丽哭了 1.1 生词 1.2 课文一: 你怎么了? 1.3 课文二: 玛丽哭了 1.4 语法一: 动词的完成 1.5 语法二: 因为...所以 1.6 听力、阅读练习	Nghe giảng Hỏi đáp tương tác cùng giáo viên về một số hoạt động đã hoàn thành, sẽ hoàn thành, đặc biệt nhấn mạnh số lượng đã hoàn thành.. Thực hành đặt câu với từ vựng, xử lý tình huống an ủi khi người khác buồn, câu phức nhân quả.. Hội thoại theo nhóm hoặc Tự thuật bài khóa	7	- chuẩn bị trước bài mới và chủ động nêu câu hỏi - luyện đọc nhiều lần từ mới và bài khóa	4	a2, b2, c2

	Làm bài tập trên lớp				
第二十八课: 我吃了早饭就来了 1.1 生词 1.2 课文一: 我吃了早饭就来了 1.3 课文二: 我早就下班了 1.4 语法一: 就/才 1.5 语法二: 要是...就 1.6 语法三: 虽然...但是 1.7 听力、阅读练习	Nghe giảng Hỏi đáp tương tác cùng giáo viên về 2 hành động liên tiếp xảy ra trong quá khứ, hiện tại và tương lai.... Thực hành đặt câu với từ vựng, xử lý tình huống liên quan, cùng câu giả thiết, chuyên ngoặt Hội thoại theo nhóm hoặc Tự thuật bài khóa Làm bài tập trên lớp	7	- chuẩn bị trước bài mới và chủ động nêu câu hỏi - luyện đọc nhiều lần từ mới và bài khóa	4	a2, b2, c2
Ôn tập 1		1		4	
Đánh giá 1: 25% [Bài kiểm tra trắc nghiệm]	Bài test kiến thức tổng hợp (từ vựng, ngữ pháp, đọc hiểu, nghe hiểu....)	1			a2
第二十九课: 我都做对了 1.1 生词 1.2 课文一: 我都做对了 1.3 课文二: 看完电影再做作业 1.4 语法一: 结果补语 1.5 语法一: 主谓词组作定语 1.6 听力、阅读练习	Nghe giảng Hỏi đáp tương tác cùng giáo viên về một số kết quả của hoạt động thực tế tại lớp học. Thực hành đặt câu với từ vựng, xử lý tình huống liên quan bổ ngữ kết quả thường gặp, tình huống kết quả thi Hội thoại theo nhóm hoặc Tự thuật bài khóa Làm bài tập trên lớp	7	- chuẩn bị trước bài mới và chủ động nêu câu hỏi - luyện đọc nhiều lần từ mới và bài khóa	4	a2, b2, c2
第三十课: 我来了两个多月了 1.1 生词 1.2 课文一: 我来了两个多月了 1.3 语法一: 时量补语 1.4 语法二: 概数的表达 1.5 语法三: 离合动词 1.6 听力、阅读练习	Nghe giảng Hỏi đáp tương tác cùng giáo viên về một số hoạt động có liên quan quãng thời gian/ thời đoạn Thực hành đặt câu với từ vựng, xử lý tình huống về bổ ngữ thời lượng và các hoạt động cuộc sống, học tập Hội thoại theo nhóm hoặc Tự thuật bài khóa Làm bài tập trên lớp	7	- chuẩn bị trước bài mới và chủ động nêu câu hỏi - luyện đọc nhiều lần từ mới và bài khóa	4	a2, b2, c2
第二册 (上) 第一课: 我比你更喜欢音乐 1.1 生词 1.2 课文一: 北京比上海大吧 1.3 课文二: 我比你更喜欢音乐 1.4 语法一: 比较句 1.5 语法二: 数量补语 1.6 语法三: 感叹句 1.7 听力、阅读练习	Nghe giảng Hỏi đáp tương tác cùng giáo viên về chiều cao, cân nặng, môn học... Thực hành đặt câu với từ vựng, xử lý tình huống liên quan so sánh giữa 2 sự vật, nơi chốn, con người, sở thích.. Hội thoại theo nhóm hoặc Tự thuật bài khóa Làm bài tập trên lớp	7	- chuẩn bị trước bài mới và chủ động nêu câu hỏi - luyện đọc nhiều lần từ mới và bài khóa	4	a2, b2, c2

第二课：我们那儿的冬天跟北京一样冷 1.1 生词 1.2 课文一：我们那儿的冬天跟北京一样冷 1.3 课文二：我跟你不一样 1.4 语法一：比较句 1.5 语法二：不但..而且 1.6 听力、阅读练习	Nghe giảng Hỏi đáp tương tác cùng giáo viên so sánh ngang bằng giữa các mùa trong năm, sở thích... Thực hành đặt câu với từ vựng, xử lý tình huống liên quan so sánh bằng, học bài hát “ chúng ta không giống nhau”... Hội thoại theo nhóm hoặc Tự thuật bài khóa Làm bài tập trên lớp	7	- chuẩn bị trước bài mới và chủ động nêu câu hỏi - luyện đọc nhiều lần từ mới và bài khóa	4	a2, b2, c2
Ôn tập 2		1		4	
Đánh giá 2: 25% (Bài kiểm tra tự luận)	Sinh viên chuẩn bị độc lập nội dung về 1 chủ đề và thuyết trình trước lớp	1			a2, b2, c2
Tổng số tiết/giờ học		60		40	
Đánh giá 3: 50% (Thi cuối kỳ)	Sinh viên làm độc lập một bài thi tự luận kiến thức tổng hợp từ bài 17 đến bài 24 (từ vựng, ngữ pháp, viết đoạn..)				a2, c2

ST-Số tiết chuẩn SG-Số giờ

7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra		
			a2	b2	c2
Quá trình	ĐG1. Bài test tổng hợp	25%	x		
	ĐG2. Thuyết trình chủ đề	25%	x	x	x
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài thi kết thúc học phần	50%	x		x
<i>Tổng cộng:</i>		100%			

8.1 - Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a2

Tỷ lệ: 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Bài thi tổng hợp kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, tình huống giao tiếp, viết đoạn...
- Mô tả bài đánh giá:
- + Bài gồm các dạng trắc nghiệm và tự luận: từ vựng (ngữ âm, chữ Hán), ngữ pháp (chọn vị trí đúng cho từ trong ngoặc, chọn câu có trật tự từ đúng), đọc hiểu (chọn đáp án đúng cho câu hỏi), nghe hiểu (chọn đáp án đúng cho câu hỏi)... trong phạm vi từ bài 21 Q2 đến bài 2 Q3, thời gian làm bài 60 phút, không sử dụng tài liệu, điện thoại..

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a2: Nhớ và vận dụng được kiến thức đã học về từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng viết câu, viết đoạn trong phạm vi chủ đề giao tiếp	Sinh viên hiểu rất rõ kiến thức tổng hợp ở các bài đã học, có thể nhớ được gần như tuyệt đối từ vựng đã học, nhớ chính xác các hiện	Sinh viên hiểu tương đối rõ kiến thức tổng hợp ở các bài đã học, có thể nhớ được gần như phần lớn từ vựng đã học, nắm được các hiện tượng	Sinh viên hiểu nhưng chỉ nhớ tương đối kiến thức tổng hợp ở các bài đã học, có thể nhớ được quá bán từ vựng đã học, nắm được phần	Sinh viên không hiểu hết và chỉ nhớ tương đối kiến thức tổng hợp ở các bài đã học, có thể nhớ được chưa đến một nửa lượng từ vựng đã học,	Sinh viên không hiểu hết và chỉ nhớ số lượng ít kiến thức tổng hợp ở các bài đã học, có thể nhớ được lượng từ vựng đã học ở mức trung

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
	tượng ngữ pháp được đề cập, có tư duy diễn đạt tốt trong viết đoạn bằng tiếng Trung, khả năng đọc hiểu hội thoại ngắn, đoạn văn ngắn mức độ khá và giỏi, phân tích tốt các lỗi sai cơ bản. Ứng dụng tốt các kiến thức cơ bản vào xử lý những chủ điểm giao tiếp cơ bản hàng ngày.	ngữ pháp thường dùng được đề cập, có tư duy diễn đạt khá trong viết đoạn bằng tiếng Trung, khả năng đọc hiểu hội thoại ngắn, đoạn văn ngắn mức độ khá, phân tích được phần lớn các lỗi sai cơ bản. Ứng dụng tương đối tốt các kiến thức cơ bản vào xử lý những chủ điểm giao tiếp cơ bản hàng ngày.	lớn các hiện tượng ngữ pháp được đề cập, có tư duy diễn đạt trung bình khá trong viết đoạn bằng tiếng Trung, khả năng đọc hiểu hội thoại ngắn, đoạn văn ngắn mức độ trung bình khá, phân tích được một số các lỗi sai cơ bản. Chỉ ứng dụng được 50% lượng kiến thức cơ bản vào xử lý những chủ điểm giao tiếp cơ bản hàng ngày.	nắm được phần lớn các hiện tượng ngữ pháp được đề cập, có tư duy diễn đạt trung bình trong viết đoạn bằng tiếng Trung, khả năng đọc hiểu hội thoại ngắn, đoạn văn ngắn mức độ trung bình, phân tích được một số các lỗi sai cơ bản. Chỉ ứng dụng được 50% lượng kiến thức cơ bản vào xử lý những chủ điểm giao tiếp cơ bản hàng ngày.	bình, chỉ nắm được rất ít kiến thức về các hiện tượng ngữ pháp được đề cập, có tư duy diễn đạt dưới mức trung bình trong viết đoạn bằng tiếng Trung, khả năng đọc hiểu hội thoại ngắn, đoạn văn ngắn mức độ rất hạn chế, không phân tích được một số các lỗi sai cơ bản. Chỉ ứng dụng được dưới 50% lượng kiến thức cơ bản vào xử lý những chủ điểm giao tiếp cơ bản hàng ngày.

8.2 Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a2, b2, c2

- Tỷ lệ 25% điểm học phần; - Hình thức đánh giá: Thuyết trình
- Ma trận đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a2: Nhớ và vận dụng được kiến thức đã học vào giao tiếp và thuyết trình chủ điểm	Nội dung bài thuyết trình sử dụng kiến thức cơ bản trong phạm vi một cách xuất sắc và sáng tạo, sinh viên tận dụng được tối đa từ vựng	Nội dung bài thuyết trình sử dụng kiến thức cơ bản trong phạm vi tương đối tốt, sinh viên tận dụng được gần như tối đa từ vựng và	Nội dung bài thuyết trình sử dụng kiến thức cơ bản trong phạm vi ở mức độ khá, sinh viên tận dụng được phần lớn từ vựng và ngữ	Nội dung bài thuyết trình sử dụng kiến thức cơ bản trong phạm vi ở mức độ trung bình khá, sinh viên tận dụng được phần lớn từ vựng và	Nội dung bài thuyết trình sử dụng kiến thức cơ bản trong phạm vi ở mức độ dưới trung bình, sinh viên tận dụng được lượng ít từ

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
	và ngữ pháp đã học một cách chủ động và tự tin, phát sinh dưới 10 từ mới và 1 số hiện tượng ngữ pháp mới.	ngữ pháp đã học một cách tương đối chủ động và tự tin, phát sinh dưới 15 từ mới và 1 số hiện tượng ngữ pháp mới.	pháp đã học một chủ động và tự tin ở mức độ khá, phát sinh dưới 20 từ mới và 1 số hiện tượng ngữ pháp mới.	ngữ pháp đã học một chủ động và tự tin ở mức độ trung bình khá, phát sinh trên 20 từ mới và 1 số hiện tượng ngữ pháp mới.	vụng và ngữ pháp đã học không thật chủ động và tự tin. Phát sinh trên 20 từ mới và 1 số hiện tượng ngữ pháp mới.
b2 : vận dụng kỹ năng tin học cơ bản và kỹ năng nói trước đám đông vào bài thuyết trình	Bài ppt được trình bày khoa học, sáng tạo, các hiệu ứng phát huy tốt hiệu quả bài thuyết trình. Sinh viên sử dụng thành thạo thiết bị và thuyết trình không nhìn văn bản	Bài ppt được trình bày tương đối khoa học, sáng tạo, các hiệu ứng phát huy khá tốt hiệu quả bài thuyết trình. Sinh viên sử dụng tương đối thành thạo thiết bị và thuyết trình đôi lúc nhìn văn bản	Bài ppt được trình bày về cơ bản là khoa học, nhưng chưa thật sáng tạo,	Bài ppt được trình bày còn đơn điệu, thiếu tính sáng tạo, nhiều nội dung trong ppt chưa sử dụng hiệu ứng nên chưa phát huy hết hiệu quả. Sinh viên rất lúng túng trong sử dụng thiết bị và phụ thuộc văn bản.	Bài ppt được trình bày rất đơn điệu, gần như không sử dụng các hiệu ứng trong các slides, thiếu tính sáng tạo. Sinh viên rất lúng túng trong sử dụng thiết bị và phụ thuộc văn bản.
c3: thể hiện năng lực làm việc độc lập	Thể hiện khả năng thu thập thông tin chính xác, đầy đủ	Thể hiện khả năng thu thập thông tin chính xác, tương đối đầy đủ	Thể hiện khả năng thu thập thông tin tương đối chính xác	Thể hiện khả năng thu thập thông tin chưa đầy đủ nội dung còn sơ sài	Thể hiện khả năng thu thập thông tin chưa đầy đủ nội dung còn sơ sài, hạn chế

8.3. Hoạt động đánh giá 3: Kiểm tra cuối kỳ (50%)

Hình thức đánh giá: Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp

8.4. Cách tính kết quả học tập chung của học phần

Kết quả học tập = (Bài đánh giá 1 x 0.25 + bài đánh giá 2 x 0.25 + Bài thi hết môn x 0.5)

9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

Trang thiết bị, phương tiện dạy học sinh viên cần dùng trên lớp: Hệ thống nghe – nhìn, bao gồm: máy chiếu projector, loa đài

10. An toàn của sinh viên và giảng viên

Trong quá trình dạy/học, giảng viên và sinh viên cần chú ý về an toàn PCCC&CHCN.

11. Kỹ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 20...
Người biên soạn